

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v “Yêu cầu xin ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Nguyễn Công Hiền

- *T ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 163/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: : Anh Võ Ngọc T - sinh năm 1980

Trú tại: KP. L, thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Võ Thị Ngọc T – sinh năm 1986

Trú tại: KP. L, thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời S bày của nguyên đơn anh Võ Ngọc T tại phiên tòa như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và cô Võ Thị Ngọc T có thời gian tìm hiểu, chúng tôi tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, có ĐKKH tại UBND thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng tôi hạnh phúc. Đến năm 2019 tôi nghi ngờ cô T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, sau đó T tự nhận với tôi là có ngoại tình, dẫn đến vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn như trước. Hôm nay, tôi nhận thấy tình cảm giữa tôi và T thật sự không còn, hôn

nhân không đem lại hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô T.

- *Về con chung*: Tôi và T có 02 con chung: Võ Cao Bảo K – sinh ngày 17/12/2007 và Võ Cao S – sinh ngày 20/7/2011, hiện nay 02 con đang ở với tôi. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu T cấp dưỡng nuôi con. Hôm nay T yêu cầu được nuôi con Võ Cao S, và con Võ Cao S cũng có bản tự khai nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ly hôn nhưng tôi không đồng ý giao cho T nuôi. Bởi vì, tôi cho rằng T không có tư cách, phẩm chất của một người mẹ tốt để nuôi dạy con, vì T ngoại tình với người khác.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tôi và T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai và lời S bày của bị đơn chị Võ Thị Ngọc T tại phiên tòa như sau:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông Võ Ngọc T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có ĐKKH tại UBND thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng tôi hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó liên tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T cờ bạc, cá độ bóng đá, ăn chơi, rượu chè dẫn đến nợ nần. Từ năm 2019 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tôi về nhà cha mẹ ruột của tôi ở từ tháng 9/2021 cho đến nay. Hôm nay tôi nhận thấy tình cảm giữa tôi và ông T không còn, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T có yêu cầu xin ly hôn tôi cũng thống nhất.

- *Về con chung*: Tôi và ông T có 02 con chung: Võ Cao Bảo K – sinh ngày 17/12/2007 và Võ Cao S – sinh ngày 20/7/2011, hiện nay 02 con đang ở với ông T. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của tôi yêu cầu được nuôi con Võ Cao S, ông T nuôi con Võ Cao Bảo K, không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của tôi được nuôi con Võ Cao S là vì con còn nhỏ, hay bệnh đau ốm yếu, mặc khác con Võ Cao S cũng có nguyện vọng muốn ở với tôi. Còn việc ông T cho rằng tôi có quan hệ ngoại tình với người khác là không đúng. Bản thân ông T cũng không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa để chứng minh tôi có ngoại tình với người khác.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tôi và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 06/4/2022 của Cháu Võ Cao Bảo K có nguyện vọng được ở với anh Võ Ngọc T; còn cháu Võ Cao S có nguyện vọng được ở với chị Võ Thị Ngọc T.

*** *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Ngọc T.

- *Về con chung*: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu Võ Cao Bảo K - sinh ngày 17/12/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Võ Cao S – sinh ngày 20/7/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh T và chị T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh T và chị T tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc anh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Võ Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Võ Thị Ngọc T, yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 BLTTDS, xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Chị Võ Thị Ngọc T có địa chỉ tại KP. L, thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T có thời gian tìm hiểu, xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 07/5/2007. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa anh T và chị T hạnh phúc trong thời gian đầu. Cho đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra bất đồng, mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn theo anh T S bày là anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Theo chị T cho rằng nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, cá độ bóng đá, ăn chơi, rượu chè dẫn đến nợ nần. Chị T nhận thấy không thể tiếp tục sống chung được với anh T nên đã về ở nhà cha mẹ ruột từ tháng 9/2021 cho đến nay. Hôm nay, cả anh T và chị T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không đem lại hạnh phúc, nên anh T và chị T thống nhất Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T.

[3]. Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung: Võ Cao Bảo K – sinh ngày 17/12/2007 và Võ Cao S – sinh ngày 20/7/2011, hiện nay 02 con đang ở với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi 02 con, không đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh T cho rằng chị T không có tư cách, phẩm chất của một người mẹ tốt để nuôi dạy con Võ Cao S vì chị T ngoại tình với người khác. Còn Chị T có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 con, chị yêu cầu được nuôi con Võ Cao S, anh T nuôi con Võ Cao Bảo K. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Võ Cao Bảo K và Võ Cao S đã đủ 07 tuổi, tại bản tự khai ngày 06/4/2022 cháu Võ Cao Bảo K có nguyện vọng được ở với ba, còn cháu Võ Cao S có nguyện vọng được ở với mẹ. Đồng thời điều kiện kinh tế của anh T, chị T sau khi ly hôn đều như nhau, chị T đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Cao S. Tại phiên Tòa anh Võ Ngọc T cung cấp 01 tấm ảnh chứng minh rằng chị T ngoại tình. Tuy nhiên, đây là cơ sở để giải quyết việc ly hôn giữa anh T với chị T, không có quy định nào của pháp luật cho rằng ngoại tình không được nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử xét không thể chấp nhận giao cả 02 con cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con Võ Cao Bảo K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Võ Cao S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Anh T và chị T không yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét, giải quyết

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị T tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Võ Ngọc T phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Ngọc T được ly hôn với chị Võ Thị Ngọc T.

[2]. Về con chung: Bác yêu cầu anh Võ Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con Võ Cao Bảo K – sinh ngày 17/12/2007 và Võ Cao S – sinh ngày 20/7/2011.

Giao cháu Võ Cao Bảo K – sinh ngày 17/12/2007 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Võ Cao S – sinh ngày 20/7/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con

Anh T, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Võ Ngọc T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số 0000586 ngày 30/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Võ Ngọc T, chị Võ Thị Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện ĐX;
- TAND tỉnh PY;
- UBND thị trấn H, Đồng Xuân;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Long

